



THE  
WORLD  
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

# BẢN TIN TUẦN

Tuần 27 (từ 02/7 – 06/7/2018)



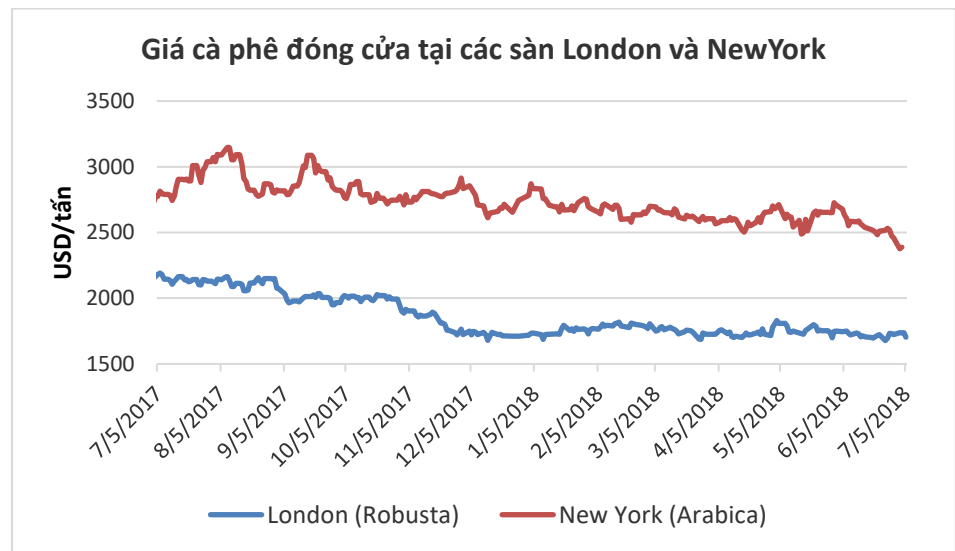
## ĐIỂM TIN

Giá Robusta kỳ hạn tuần này tăng nhẹ

Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm mạnh so với tuần trước do căng thẳng thương mại quốc tế

Xuất khẩu cà phê trong tháng 6/2018 tại Brazil và Costa Rica tăng, tại Indonesia và Honduras giảm

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, [www.theice.com](http://www.theice.com)

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.729 USD/tấn, tăng 17 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 16,3% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.739 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.703 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.370 USD/tấn, giảm 5,2% so với tuần trước và thấp hơn 10,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2.389 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.344 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica trong tuần này giảm mạnh do các tác động từ sự căng thẳng thương mại Mỹ – Trung Quốc và Mỹ – Mexico. Theo đó, Mỹ muốn đưa ra chương trình áp thuế trị giá 16,6 tỷ USD với Mexico và chính sách áp thuế 25% lên nhiều hàng hóa Trung Quốc trị giá khoảng 34 tỷ USD sẽ có hiệu lực vào ngày 6/7/2018. Các chính sách mới này gây ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường hàng hóa giao dịch và các quyết định đầu tư trên sàn kỳ hạn NewYork [2].

Bộ Thương mại Brazil báo cáo xuất khẩu cà phê tháng 6/2018 của Brazil đạt 2.157.363 bao, tăng 13,24% (tăng 252.262 bao) so với cùng kỳ năm ngoái [10].

Xuất khẩu cà phê tại Indonesia trong tháng 6 đạt 58.622 bao, giảm 80,21% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế xuất khẩu cà phê trong 9 tháng đầu niên vụ 2017/2018 đạt tổng cộng 942.718 bao, giảm tới 69,8% so với cùng kỳ niên vụ trước. Indonesia đang thu hoạch cà phê vụ mùa hiện này nhưng sản lượng thu được vẫn dành ưu tiên mua cho ngành công nghiệp rang xay và chế biến cà phê trong nước [2].

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) báo cáo xuất khẩu cà phê tháng 6 của nước này đạt 875.930 bao giảm 4,75% (giảm 43.722 bao) so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt khoảng 5,8 triệu bao, giảm 1,35% (giảm 79.258 bao) so với cùng kỳ niên vụ trước. Dự báo xuất khẩu cà phê niên vụ 2017/18 của Honduras đạt khoảng 7,28 – 7,36 triệu bao [2].

Viện Cà phê Quốc gia Costa Rica (ICAPE) cho biết, xuất khẩu cà phê tháng 6 của nước này đạt 166.495 bao, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu niên vụ 2017/18 tăng gần 10% so với cùng kỳ niên vụ trước, đạt 981.978 bao [2].

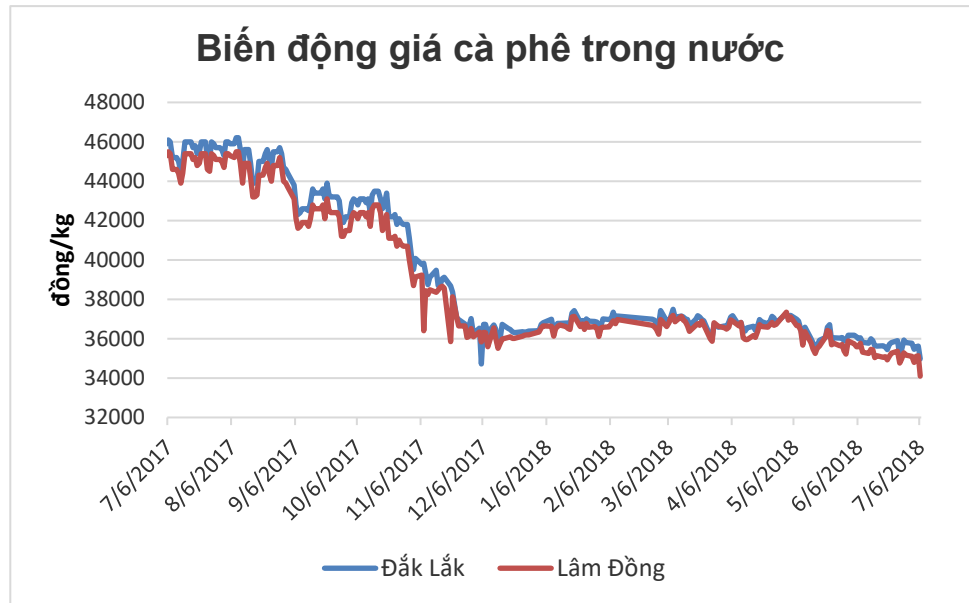


## ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ so với tuần trước

Cà phê Việt Nam chiếm 87,7% thị phần cà phê nhập khẩu tại Thái Lan

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 35.483 đ/kg, giảm 169 đồng so với tuần trước và vẫn thấp hơn 20,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 256 đồng so với tuần trước xuống còn 34.851 đ/kg, và vẫn thấp hơn 20,3% so với cùng kỳ năm trước [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.552 USD/tấn, giảm 6 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 26,7% so với cùng kỳ năm 2017 do lượng giao dịch không nhiều [7]. Các công ty hiện nay đã xuất khẩu được gần 2/3 lượng cà phê tồn kho và họ đang chờ khi nào được giá sẽ bán tiếp số còn lại. Tuy nhiên, tồn kho cà phê trên thị trường quốc tế hiện nay vẫn đang dồi dào và nguồn cung sẽ được bổ sung thêm từ lượng cà phê Robusta Conilon tại Brazil sẽ khiến giá cà phê Robusta khó có thể tăng trở lại trong ngắn hạn [8]

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Thái Lan, nhập khẩu cà phê của nước này 5 tháng đầu năm 2018 đạt 15.834 tấn, trị giá 1,116 tỷ bath (tương đương 33,71 triệu USD), tăng 81,0% về lượng và tăng 28,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, nhập khẩu cà phê từ Việt Nam có tốc độ tăng



trường mạnh nhất, tăng 124,5% về lượng với thị phần đạt 87,7% trong 5 tháng đầu năm 2018, tăng mạnh so với mức thị phần 70,7% trong cùng kỳ năm 2017 [4].

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) ước tính, khối lượng hàng tồn kho vụ trước của Việt Nam không còn nhiều, chỉ đủ để cung ứng cho hoạt động xuất khẩu 4 tháng còn lại của niên vụ cà phê 2017/18, xấp xỉ khoảng 1 triệu bao mỗi tháng [4].

Theo nhận định của một số chuyên gia, giá cà phê giảm như hiện nay là do chu kỳ 5 - 7 năm/lần, xét về dài hạn giá cà phê giá cà phê có thể sẽ phục hồi lên mức 38.000 - 42.000 đồng/kg vào năm 2019 [5].

### **Nguồn tham khảo:**

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://xttm.mard.gov.vn>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



## Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
<b>Đắk Lắk</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.867	35.633	35.733	35.633	34.800	-210
Ea H'leo (xôvối)	35.667	35.533	35.633	35.800	34.867	-307
Krông Năng (xôvối)	35.733	35.367	35.533	35.533	35.033	-40
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.200	36.000	36.100	36.000	35.100	-227
Ea H'leo (xôvối)	36.000	35.800	36.000	36.200	35.300	-340
Krông Năng (xôvối)	35.900	35.500	35.700	35.700	35.133	-153
<b>Lâm Đồng</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	34.933	34.700	34.933	34.933	34.000	-473
Lâm Hà (xôvối)	35.400	35.200	35.400	35.450	34.300	-230
Đà Lạt (xôchè)	41.667	39.667	40.167	40.167	37.750	-4550
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.433	35.200	35.433	35.433	34.500	-473
Lâm Hà (xôvối)	35.900	35.700	35.900	35.950	34.567	-337
Đà Lạt (xôchè)	42.667	40.667	41.167	41.167	38.667	-4467
<b>Đắk Nông</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.100	35.350	35.550	35.550	34.450	-230
Đắk R'lấp (xôvối)	35.500	35.233	35.433	35.533	34.533	-407
Đắk Song (xôvối)	35.550	35.350	35.550	35.500	34.500	-370
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.100	35.750	36.000	36.000	35.000	-310
Đắk R'lấp (xôvối)	35.800	35.567	35.433	35.800	34.867	-483
Đắk Song (xôvối)	35.850	35.700	35.900	35.900	34.900	-340



<b>Gia Lai</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	35.400	35.300	35.433	35.433	34.400	-313
Pleiku (xôvối)	35.500	35.367	35.500	35.500	34.467	-320
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	35.500	35.400	35.533	35.533	34.500	-313
Pleiku (xôvối)	35.600	35.467	35.600	35.600	34.567	-320
<b>Kon Tum</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.111	34.800	35.111	35.133	34.100	-256
Đắk Hà (xôvối)	35.590	35.261	35.460	35.496	34.563	-256
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.622	35.300	35.611	35.633	34.522	-296
Đắk Hà (xôvối)	35.876	35.572	35.760	35.805	34.873	-285

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)

